TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 14-02-2023
V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thái

2. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2022/TLST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà **Hoàng Thị Thương T** – sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Mỹ H** – sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần P** – sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thương T trình bày:**

Ngày 02.4.2021, bà H có vay tiền của bà T với số tiền gốc 300.000.000 đồng, vay làm 02 lần: Lần thứ nhất vay 150.000.000 đồng, lần thứ hai cách nữa tháng với số tiền 150.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tờ, bà H có ký tên vào giấy vay tiền, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 02.4.2021 đến hết ngày 02.12.2021, bà T không nhận thế chấp gì của bà H và chỉ có một mình bà H vay tiền. Từ đó đến nay bà H chỉ trả tiền lãi cho bà T được 02 tháng là 12.000.000 đồng, sau đó thì không trả tiền lãi nữa. Quá thời hạn trả nợ mà bà H cũng không trả mặc dù bà T đã đòi nhiều lần. Nay bà T yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi như mức lãi trong đơn khởi kiện bà đã tính đến ngày Tòa án xét xử, cụ thể:

Mức lãi suất 20%/năm, tức 1,67 %/tháng, thời hạn trả lãi từ ngày 02.6.2021 đến ngày 02.12.2021 là 06 tháng: 300.000.000 x 1,67 % x 06 tháng = 30.060.000 đồng;

Tiền lãi nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay (150% x 1,67%), thời hạn chậm trả từ ngày 03.12.2021 đến ngày xét xử 14.02.2023 là 14 tháng: 300.000.000 đồng x (150% x 1,67%) x 14 tháng = 105.210.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi mà vợ chồng bà H phải trả là 435.270.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H trình bày:**

Bà H thừa nhận có vay tiền của bà T số tiền là 300.000.000 đồng gốc, mượn làm 02 lần như bà T khai, lãi suất bà H trả cho bà T là 60 đến 70 %, tháng nào bà cũng trả tiền lãi cho bà T cho đến khi cách ly dịch Cô vid 19 là ngưng không trả lãi. Bà H vay tiền của bà T chỉ có một mình bà giao dịch, mục đích bà vay tiền để làm vốn buôn bán hàng hải sản, chồng bà không biết, đây là nợ riêng của bà. Do bà H không ghi chép sổ sách và cũng không nhớ chính xác, nên bà không biết đã trả tiền lãi cho bà T là bao nhiêu tiền. Bà H thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào giấy vay tiền do bà T nộp cho Tòa, khi vay tiền bà không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì cho bà T. Nay bà H xin bà T cho bà số tiền lãi là 50.000.000 đồng, còn số tiền gốc và lãi còn lại bà H sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần P:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P không đến Tòa làm việc, ông P có gửi bản ý kiến trình bày: Việc bà Hoàng Thị Thương T khởi kiện vợ ông – bà Lê Thị Mỹ H số tiền huê hụi gì đó trên tòa thì ông không biết về việc nợ này, vì đó là nợ riêng của bà H, không liên quan đến ông. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt không lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị Mỹ H và ông Trần P phải cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị Thương T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính theo quy định của pháp luật là 20%/năm tương đương 1,67%/tháng kể từ ngày 02.4.2021 đến ngày 02.12.2021và tiền lãi nợ quá hạn theo quy định của pháp luật 1,67% x 150% kể từ ngày 03.12.2021 đến ngày xét xử 14.02.2023.

Về án phí: Bà H và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Thương T yêu cầu bà Lê Thị Mỹ H trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại khu phố 2, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có mặt, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần P Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông P vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về hợp đồng vay tài sản: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi là: 435.270.000 đồng, phía bị đơn thừa nhận nợ tiền gốc của bà T là 300.000.000 đồng.

Căn cứ giấy vay tiền ngày 02.4.2021 (bản chính) do phía nguyên đơn bà T cung cấp thể hiện việc cho vay tiền để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể: Bà Lê Thị Mỹ H có vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/, thời gian cho vay từ ngày 02.4.2021 đến ngày 02.12.2021, giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết của bà H và bà cũng thừa nhận. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà H khai tiền lãi mỗi tháng trả cho bà T là 60 đến 70% tháng nào bà cũng trả tiền lãi cho bà T cho đến khi cách ly dịch Cô vid 19 là ngưng không trả lãi, do bà không ghi chép sổ sách

và cũng không nhớ chính xác, nên bà không biết đã trả tiền lãi cho bà T là bao nhiêu tiền, nhưng không được bà T thừa nhận và bà H cũng không có chứng cứ để chứng minh cho việc trả tiền lãi mà tại giấy vay tiền thể hiện mức lãi suất là 2%.

Xét về thời hạn của hợp đồng cho vay tiền từ ngày 02.4.2021 đến ngày 02.12.2021 thì thời hạn vay là 08 tháng tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, từ những căn cứ trên phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

- Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm, tức 1,67%/tháng, thời hạn trả lãi từ ngày 02.6.2021 đến ngày 02.12.2021 là 06 tháng: 300.000.000 x 1,67 % x 06 tháng = 30.060.000 đồng; Quá trình giải quyết, bà T thừa nhận bà H đã trả 02 tháng tiền lãi là 12.000.000 đồng theo mức lãi suất là 2%/tháng. Tại giấy vay tiền các bên có thỏa thuận về việc trả lãi và xác định rõ mức lãi suất cụ thể là 2%. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, việc bà T đã nhận 02 tháng tiền lãi của bà H vượt quá mức lãi suất theo quy định nên khoản tiền lãi mà bà T yêu cầu phải trừ đi số tiền lãi bà T đã nhận của bà H vượt quá mức quy định cụ thể: 300.000.000 x 2% x 02 tháng = 12.000.000 đồng mà mức lãi suất theo quy định: 300.000.000 x 1,67 % x 02 tháng = 10.020.000 đồng, như vậy số tiền lãi vượt mức quy định là: 1.980.000 đồng. Vậy số tiền lãi trong 06 tháng là: 30.060.000 đồng - 1.980.000 đồng = 28.080.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính tiền lãi nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán: Đối với khoản tiền lãi nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay (150% x 1,67%), thời hạn chậm trả từ ngày 03.12.2021 đến ngày xét xử 14.02.2023 là 14 tháng 11 ngày, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính 14 tháng, cụ thể: 300.000.000 đồng x (150% x 1,67%) x 14 tháng = 105.210.000 đồng.

Quá trình giải quyết bà H xin bà T cho bà số tiền lãi là 50.000.000 đồng, còn số tiền gốc và lãi còn lại bà H sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng bà T không đồng ý.

3.2.Về trách nhiệm trả nợ:

Theo đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Thương T thì Tòa án xác định đương sự trong vụ án gồm: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thương T và bị đơn bà Lê Thị Mỹ H (tại Thông báo thụ lý vụ án số: 225/TB-TLVA ngày 26/10/2022). Quá trình thụ lý xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhận thấy có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Trần P (chồng bà H) nên đã đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tại Thông báo ngày 11/11/2022). Theo quy định tại khoản 4 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu tham gia tố tụng với bên bị đơn thì có quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 của Bộ luật này. Như vậy, ông Trần P có quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn.

Bà Hồng vay tiền của bà T chỉ có một mình bà giao dịch, chồng bà không biết, bà thừa nhận đây là nợ riêng của bà. Tại giấy vay tiền chỉ có bà H ký tên, khi bà T đưa tiền cho bà H vay cũng không có mặt ông Trần P – chồng bà H. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà H và ông P phải trả tiền cho bà, xét mục đích của bà Hồng vay tiền của bà T để làm vốn buôn bán hàng hải sản, thu nhập có được dùng để trang trải chi phí trong gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu trên của bà T không vượt quá yêu cầu khởi kiện và căn cứ quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận, việc bà H vay tiền của bà T là nợ chung của vợ chồng bà H nên bà Lê Thị Mỹ H và ông Trần P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị Thương T số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng và tiền lãi là: 133.290.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là: 433.290.000 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí:

Bà H và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Mỹ H và ông Trần P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị Thương T số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng và tiền lãi là: 133.290.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là: 433.290.000 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật;

nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Trần P phải chịu 21.331.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Thương T số tiền 9.566.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012880 ngày 21.10.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2023). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn